

PHƯƠNG THỨC LỰA CHỌN VÀ THỂ HIỆN HIỆN THỰC LỊCH SỬ TRONG TIỂU THUYẾT CỦA NGUYỄN XUÂN KHÁNH

NGUYỄN VĂN HÙNG*

TÓM TẮT

Nguyễn Xuân Khánh và tiểu thuyết lịch sử của ông đã tạo nên bước đột phá táo bạo về cách viết, về tư duy tự sự lịch sử. Bằng những tìm tòi thể nghiệm nhiều cách kết cấu mới, vận dụng các thủ pháp của kỹ thuật viết hiện đại, ông đã mở ra những dạng thức mới cho tiểu thuyết lịch sử. Một trong những điểm nhấn góp phần làm nên thành công vang dội cho các sáng tác của ông đó là phương thức lựa chọn và thể hiện hiện thực lịch sử rất sáng tạo và độc đáo.

Từ khóa: thể loại tiểu thuyết lịch sử, tư duy tự sự lịch sử, phương thức lựa chọn, luận giải lịch sử.

ABSTRACT

*Method of selecting and expressing the history reality in the novels
by Nguyen Xuan Khanh*

Nguyen Xuan Khanh and his historical novels have created a significant breakthrough in writing style and in historical - narrative thinking. By looking for and experimenting many new structuring methods and making use of modern writing techniques, he introduced new formats for historical novels. One of the emphatic points that has contributed to the resounding success of his works is the creative and unique method of selecting and expressing history reality.

Keyword: the historical novel genre, historical narrative thinking, selection method, historical interpretation.

1. Đặt vấn đề

Có thể nói, trong dòng văn học Việt Nam đầu thế kỉ XXI, đặc biệt ở thể loại tiểu thuyết lịch sử, Nguyễn Xuân Khánh và tiểu thuyết lịch sử của ông có một vị trí không thể thay thế. Tác phẩm của ông không chỉ mở rộng đề tài, chủ đề theo hướng tiếp cận gần gũi hơn với hiện thực đời sống, đời tư thế sự, đời sống văn hóa tâm linh, mà qua đó, quan niệm về một số vấn đề thể loại và lịch sử cũng mang

những màu sắc thâm mỹ mới. Lịch sử trong tiểu thuyết lúc này trở thành lịch sử trong cảm nhận cá nhân, được nhà văn nhìn nhận bằng cái nhìn triết học và thụ hưởng trên tinh thần nhân văn hiện đại. Nhiều sự thể nghiệm độc đáo về cấu trúc tiểu thuyết, phương thức trần thuật... đã mang lại những thành tựu bước đầu cho thể loại tiểu thuyết lịch sử.

2. Phương thức lựa chọn giai đoạn, thời điểm lịch sử

2.1. Lựa chọn thời điểm lịch sử đầy biến động và phức tạp của dân tộc với

* ThS, Trường Đại học Phú Xuân, Huế

những vấn đề lịch sử hệ trọng, những nhân vật lịch sử “có vấn đề”

Viết về quá khứ, công việc của nhà viết tiểu thuyết lịch sử là làm sống lại lịch sử bằng việc khám phá những vấn đề còn bí ẩn, khuất lấp, lí giải lịch sử từ số phận cá nhân và tìm ra sợi dây liên hệ giữa quá khứ với đời sống hiện tại. Lẽ cố nhiên, nhà văn phải dựa trên một phong nền, một khung cảnh lịch sử nhất định, dù đó chỉ là phương tiện, là cái “đỉnh” để treo những bức tranh mà thôi. Vấn đề đặt ra cho các nhà tiểu thuyết là sẽ lựa chọn giai đoạn lịch sử nào? Và thời điểm lịch sử ấy có ý nghĩa như thế nào trong việc thể hiện ý đồ của tác giả cũng như trong giá trị nối kết với hiện tại? Đây có thể coi là bước đầu tiên trong công việc viết tiểu thuyết lịch sử, thể hiện sâu sắc vai trò chủ quan, cá tính sáng tạo của nhà văn. Hơn thế nữa, việc lựa chọn này còn phụ thuộc khá nhiều vào cảm thức lịch sử cũng như những sứ mệnh mà xã hội đã trao cho nhà văn và các tác phẩm của họ.

Một trong những cảm thức chủ đạo của tiểu thuyết lịch sử Việt Nam giai đoạn trước 1986 là ngợi ca truyền thống yêu nước của dân tộc, tôn vinh những anh hùng đã được lưu danh trong sử sách. Cảm thức ấy đã chi phối phương thức lựa chọn đề tài của các tiểu thuyết gia. Các tác giả trong giai đoạn này như Thái Vũ (*Cờ nghĩa Ba Đình*), Hà Ân (*Tổ quốc kêu gọi*), Chu Thiên (*Bóng nước Hồ Quom*), Nguyễn Hồng (*Núi rừng Yên Thế*), Nguyễn Huy Tường (*Sống mãi với thủ đô*)... thường viết về những thời điểm vinh quang, chói sáng của lịch sử, khắc họa vẻ đẹp bi hùng, bi tráng của

nhân vật, từ đó phục dựng toàn cảnh bức tranh về đời sống xã hội, gợi lên không khí hào hùng của thời đại, khơi dậy tinh thần tự tôn dân tộc, lòng yêu nước nơi độc giả đương thời. Cảm thức này còn được phát huy ở một số tác giả sáng tác sau 1986 như Hoàng Quốc Hải, Hoàng Công Khanh, Ngô Văn Phú... nhưng lại trên một tâm thế, tinh thần hoàn toàn mới.

Khác với các tiểu thuyết gia giai đoạn trước và một số tác giả cùng thời, Nguyễn Xuân Khánh trong tác phẩm của mình lại chọn những thời điểm lịch sử đầy biến động, phức tạp để tái hiện và luận giải. Với *Hồ Quý Ly*, là giai đoạn cuối Trần đầu Hồ thế kỉ XIV, XV, còn trong *Mẫu thượng ngàn*, là bối cảnh xã hội Việt Nam với điểm nhấn là cuộc sống và những người dân ở một làng quê bán sơn địa Bắc Bộ cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX. Trong lịch sử, đây là những thời điểm được ghi nhận có nhiều sự kiện trọng đại liên quan đến vận mệnh của dân tộc. Cuối nhà Trần, với sự khủng hoảng toàn diện do sự suy thoái của tầng lớp cầm quyền, triều đình suy tàn, phân hóa nghiêm trọng, cùng lúc là thiên tai, dịch họa, giặc giã nổi lên khắp nơi, xã hội biến suy sâu sắc. Trong khi đó, cái họa phương Bắc và cái nạn phương Nam như một mối đe dọa treo lơ lửng trên đầu người dân. Viết về nhà Trần, một trong những triều đại hưng thịnh nhất của lịch sử phong kiến Việt Nam, Nguyễn Xuân Khánh không chọn những thời điểm vàng son, chói lọi, cũng không chọn để tôn vinh những nhân vật anh hùng, hào kiệt mà ông lại lựa chọn thời điểm suy tàn,

biến động nhất của một triều đại. Nhiệm vụ của nhà văn lúc này là phải nhìn xoáy sâu vào những cơn sóng khủng hoảng để truy tìm, suy ngẫm và giải mã những vấn đề trong quá khứ, ráo riết tìm lời giải đáp cho các câu hỏi thiết thực của hiện tại. Ông đã lựa chọn Hồ Quý Ly, một nhân vật lịch sử gai góc, “có vấn đề”, với những tranh luận trái chiều về vai trò, vị trí của ông trong lịch sử dân tộc để thể hiện những luận giải về lịch sử của mình. Nhân vật tư tưởng này đã được xây dựng từ nhiều góc độ, một nhà cải cách táo bạo, một người đa mưu túc trí, một biểu tượng của khát vọng quyền lực, một con người của những mối quan hệ đời tư, thế sự. Bi kịch của ông hóa thành bi kịch của đất nước, bi kịch đổi mới bằng mọi giá, bất chấp sự quay lưng hững hờ phản đối của nhân dân. Cách nhìn của Nguyễn Xuân Khánh về Hồ Quý Ly và công cuộc canh tân đất nước có tính phản biện, đối thoại lại cách nhìn của sử sách chính thống và kinh nghiệm cộng đồng.

Mẫu thượng ngàn lấy bối cảnh làng quê Cổ Đình với những biến động xã hội khi Pháp dần từng bước bình định và đặt ách đô hộ ở Việt Nam. Trong lúc đạo Phật suy tàn, đạo Khổng bị gạt bỏ, đạo Thiên Chúa du nhập đang tìm chỗ đứng, đạo Mẫu trở thành niềm tin và sức mạnh tâm linh gắn kết, nuôi dưỡng sức mạnh cộng đồng. Nhiều sự kiện lịch sử đã được nhà văn nhắc đến như hai lần đánh chiếm thành Hà Nội của thực dân Pháp (1873 và 1882), các cuộc khởi nghĩa của nông dân và chí sĩ yêu nước, cùng với đó là những gương mặt, những nhân vật làm nên lịch sử thời điểm ấy.

Tuy nhiên, việc tái hiện các sự kiện ấy không phải chủ đích của nhà văn. Nó chỉ mang nhiệm vụ là tạo dựng một không khí lịch sử để nhân vật sống và suy tư. Nguyễn Xuân Khánh “không tái hiện quá trình thuộc địa hóa như một thực tại lịch sử mà tìm cách minh định thực tại ấy, mọi hành động đã được thay thế bằng những ưu tư về sự chinh phục” [4]. Nhà văn tập trung chú ý cho những suy ngẫm, tiếng nói cá nhân của cả hai bên chinh phục và cộng đồng bị chinh phục nhằm diễn giải về quá khứ. Ông đã khéo léo lồng vào các câu chuyện huyền thoại, huyền tích, dã sử không chỉ nhằm tạo lực từ trường hấp dẫn người đọc, mà quan trọng hơn, thông qua những câu chuyện hư hư thực thực đó, tác giả muốn luận bàn về một vấn đề muôn thuở của đất nước, đó là cội nguồn bản sắc và sức sống văn hóa Việt và làm sao để giữ gìn, phát huy bản sắc dân tộc trong sự xung đột, xâm lấn của văn hóa phương Tây buổi giao thời. Lúc này, cái khung lịch sử đã được sử dụng như phương tiện cấu tạo tiêu thuyết, và sau đó thì tiêu thuyết lại là phương tiện để tác giả thể hiện những tư duy, biện minh và dự phóng cho chủ đề trên lịch sử. [5]

2.2. Lựa chọn khám phá, phân tích các sự kiện lịch sử tiêu biểu

Lựa chọn các sự kiện lịch sử để chiếm lĩnh và tái hiện không phải là một công việc ngẫu nhiên đối với mỗi nhà tiểu thuyết lịch sử. Đó thực sự là một công việc nghiêm túc, đòi hỏi sự cẩn trọng, công phu, thể hiện những suy tư cá nhân và tìm tòi sáng tạo của mỗi nhà văn. Qua việc lựa chọn khám phá, phân tích

các biến cố lịch sử tiêu biểu, tiêu thuyết gia đã thể hiện rất rõ mục đích, ý đồ nghệ thuật của mình. Trước năm 1986, trong các sáng tác của Nguyễn Tử Siêu, Ngô Tất Tố, Nguyễn Huy Tưởng, những sự kiện lịch sử lớn như Hội nghị Diên Hồng, cuộc hội quân ở bến Bình Than, những trận đánh lẫy lừng như Đông Bộ Đầu, Vân Đồn, Bạch Đằng, Chương Dương, Vạn Kiếp... đã được tái hiện với một niềm tự hào, một lòng ngưỡng mộ nhằm đánh thức tinh thần yêu nước, chống ngoại xâm của người dân Việt. Sau năm 1986, trong các sáng tác của Hoàng Quốc Hải, Võ Thị Hào, Nguyễn Mộng Giác, Nam Dao, Nguyễn Xuân Khánh... một lần nữa, quá khứ lại được phục hiện và soi ngắm dưới nhiều góc độ.

Đặt lịch sử trước nhiều khả năng khác nhau, Nguyễn Xuân Khánh đã lựa chọn những sự kiện lịch sử tiêu biểu với nhiều kiến giải mang đậm dấu ấn cá nhân nhà văn. Trong *Hồ Quý Ly*, nhà văn đã lựa chọn tái hiện nhiều biến cố lịch sử quan trọng như cuộc chiến tranh Chiêm Thành, cuộc nổi loạn của Phạm Sư Ôn, sự thay ngôi đổi vị của các vị vua cuối nhà Trần, và đặc biệt là cuộc cải cách gây nhiều tranh cãi của Hồ Quý Ly... Rõ ràng, đây không đơn thuần là sự liệt kê biên niên sử hay sự xuất hiện ngẫu nhiên, rời rạc của các sự kiện mà tất cả đều hướng vào và xoay quanh chủ đề, tư tưởng trọng tâm của tác phẩm. Đây là những sự kiện, chi tiết “sống” được nhà văn lựa chọn trong vô vàn các sự kiện đã xảy ra ở thời điểm lịch sử này. Thông qua việc lựa chọn các sự kiện lịch sử tiêu biểu này, nhà văn muốn khắc sâu vào sự

khủng hoảng, bế tắc của nhà Trần, từ đó đưa ra một tình thế phải “thay máu” để chấn hưng đất nước, đồng thời đối thoại, “tranh luận” với lịch sử và con người hiện tại về ý nghĩa “thời thế” của nhân vật Hồ Quý Ly trong bối cảnh xã hội lúc bấy giờ.

Trong *Mẫu thượng ngàn*, mặc dù các sự kiện và hành động lịch sử xuất hiện rất ít nhưng lại là những sự kiện mang đầy cảm quan cá nhân của nhà văn. Sự kiện hai lần đánh thành Hà Nội của Pháp năm 1873 và năm 1882, sự kiện đàn áp người Công giáo dưới thời vua Tự Đức, lịch sử xây dựng Nhà thờ Lớn Hà Nội, cuộc chiến của người Pháp với quân khởi nghĩa nông dân, với quân Cờ Đen... đều được tái hiện chân thực và sinh động. Đó là cuộc hành trình gian nan đi tìm những sự kiện “biết nói” của tác giả. Song trên hết, qua những câu chuyện đời thường mà huyền diệu ở ngôi làng Cổ Đình nhỏ bé, Nguyễn Xuân Khánh đã thể hiện số phận của cộng đồng trong mỗi con người cũng như khát vọng “vượt thoát” với niềm tin nguyên thủy về sức mạnh và sự màu nhiệm của Mẫu. Điều đó thể hiện tư duy lịch sử sắc sảo, tính triết luận và chiều sâu nhân bản làm nên giá trị cho các tác phẩm.

2.3. Lựa chọn và khám phá hàng số lịch sử từ điểm nhìn văn hóa, triết học lịch sử và tinh thần nhân bản

Chưa bao giờ, sự đòi hỏi khả năng nắm bắt cái hàng số lịch sử và văn hóa trên tinh thần nhân bản, triết học lịch sử lại trở nên ráo riết với người viết tiểu thuyết lịch sử như vậy. Những tác phẩm của Nam Dao (*Đất trời, Gió lửa*),

Nguyễn Mộng Giác (*Sông Côn mùa lũ*), Võ Thị Hảo (*Giàn thiêu*), Trần Thu Hằng (*Đàn đáy*), đặc biệt là Nguyễn Xuân Khánh... không chỉ dừng lại ở việc tái hiện, luận giải các sự kiện, biến cố lịch sử, từ đó, khám phá tấn bi kịch của những số phận cá nhân trong con biến thiên của lịch sử, giải mã những hệ lụy lịch sử, mà còn kiếm tìm những giá trị cội nguồn bản sắc văn hóa dân tộc.

Trung thành với các sự kiện lịch sử, tái hiện chân thật bức tranh thời đại, với Nguyễn Xuân Khánh, đó không phải là mục đích cứu cánh. Cái đích cuối cùng của nhà văn là truy tìm, giải mã những chân lí có tính phổ quát, soi rọi quá khứ bằng cái nhìn và tinh thần hiện đại, từ đó soi sáng và tìm ra những bài học cho hiện tại. Bằng nghệ thuật tái hiện sinh động quá khứ, nhà văn trong *Hồ Quý Ly* đã vẽ nên bức tranh đẹp về Thăng Long ngàn năm văn hiến, ở đó có những địa danh cổ nổi tiếng, những cảnh sinh hoạt dân dã, những lễ hội dân gian truyền thống, những phong tục tập quán còn giữ vẻ đẹp nguyên thủy... Đó là phần hồn nước, cái linh khí của đất trời được hội tụ, hòa quyện trong tâm hồn mỗi con người Việt. Hơn thế nữa, với những vấn đề được đặt ra trong tác phẩm như cách tân hay bảo thủ, cách tân như thế nào, vai trò và cách hành xử của trí thức trước thời cuộc, vấn đề đổi mới với quyền lực, đổi mới như thế nào để phù hợp với thời thế, nhân tâm, số phận, bi kịch những cá nhân, cộng đồng trong cơn cuồng nộ của lịch sử..., tác giả khiến người đọc hôm nay phải trầm trồ, suy ngẫm, nối kết quá khứ với thực tại tình hình đổi mới đất nước.

Từ những nhận thức sâu sắc về sức lan tỏa tiềm tàng của nguyên lí tín Mẫu trong đời sống văn hóa Việt, Nguyễn Xuân Khánh trong *Mẫu thượng ngàn* đã làm một cuộc hành trình thám hiểm, lí giải cội nguồn bản sắc văn hóa Việt qua tín ngưỡng thờ Mẫu đậm chất bản địa. Không phải ngẫu nhiên mà trong tác phẩm này, đông đúc nhất và cũng đẹp nhất, hay nhất, đậm nhất, mê nhất vẫn là những nhân vật nữ. Tác giả tô đậm vẻ đẹp đó ở làn da và đôi vú, biểu tượng thiêng liêng cho thiên chức tái tạo, sinh sôi và duy trì nòi giống. Vẻ đẹp tự nhiên phồn thực phồn sinh ấy không chỉ mang lại sức cảm dỗ, gợi tình mạnh mẽ mà còn ẩn chứa sức mạnh có thể thức tỉnh, cảm hóa, cứu rỗi, thanh lọc tâm hồn con người trong cùng cộng đồng và cả bên kia “chiến tuyến”. Bởi một chân lí vừa giản dị vừa linh thiêng đã ăn sâu vào tâm thức Việt là “người đàn bà là Mẫu, là Mẹ. Người đàn bà là đất xứ sở. Người đàn bà là văn hiến” [6, tr.806].

3. Phương thức thể hiện lịch sử và luận giải những vấn đề lịch sử, văn hóa

3.1. Vấn đề cải cách, đổi mới

Chủ đề chính của *Hồ Quý Ly* được Nguyễn Xuân Khánh khẳng định ngắn gọn là: “Vấn đề của tôi là giữa đổi mới và bảo thủ chứ không phải là kể lại lịch sử”. Để hiện thực hóa chủ đề ấy, tác giả đã tái hiện những sự kiện lịch sử để làm rõ tình thế phải đổi mới và đặc biệt xây dựng hình tượng Hồ Quý Ly mang biểu tượng của khát vọng và bi kịch đổi mới. Là con người nhạy cảm, mưu trí, Hồ Quý Ly đã nhìn rõ được tình thế buộc phải “thay máu” nếu không muốn đất nước rơi

vào sự suy thoái, sụp đổ hoàn toàn. Với ý chí và khát khao đổi mới, ông đã mạnh dạn đề xuất những cải cách lớn và toàn diện về mọi mặt từ chính trị, hành chính, pháp chế, an ninh - quốc phòng, đến kinh tế - tài chính, xã hội, văn hóa, giáo dục... Nhưng nhà canh tân lại phải đối mặt với những thách thức không nhỏ từ sự chống đối của phe bảo thủ, từ sự quay lưng của kẻ sĩ, từ sự từ ngõ ngang dẫn đến thái độ ngoảnh mặt của người dân. Hồ Quý Ly nhận ra rằng, muốn đạt được mục đích của mình cần phải nắm trong tay quyền lực tối thượng để có thể “hô mưa gọi gió”. Từ đó, ông bị cuốn vào những âm mưu, thủ đoạn chính trị, gạt phăng mọi lực cản để “thoán ngôi đoạt vị”, bất chấp lòng người không quy thuận. Là con người mang bi kịch “bị lịch sử chọn”, Hồ Quý Ly ý thức được rằng nếu sự nghiệp cải cách của ông thành công thì đất nước sẽ thoát khỏi vực thẳm tối tăm, sẽ quay trở lại con đường hưng thịnh và ông sẽ được lịch sử lưu lại tiếng thơm muôn đời, còn nếu thất bại, ông hiểu cái giá phải trả là sự phán xét nghiệt ngã của lịch sử và lòng người. Thế nhưng, sự thất bại dẫn đến bi kịch của ông là một điều tất yếu, khi mà để đạt được mục đích, nhà cải cách đã không khước từ bất kì một thủ đoạn nào. Và quan trọng hơn, những cách tân của ông quá quyết liệt và nóng vội, đi ngược với lợi ích của nhân dân, vì vậy, lòng dân không ủng hộ. Nguyễn Xuân Khánh đã dũng cảm vượt qua rào cản của lịch sử và kinh nghiệm cộng đồng, đặt lại những vấn đề vô cùng nóng bỏng của thời đại, làm cuộc đối thoại về số phận cá

nhân con người, từ đó đặt ra những bài học thiết thực cho hiện tại.

3.2. Vấn đề hành xử trước những thời khắc, bước ngoặt của lịch sử

Đứng trước những bước ngoặt của lịch sử, những người can dự trực tiếp hay gián tiếp vào lịch sử sẽ hành xử như thế nào cũng là một trong những vấn đề Nguyễn Xuân Khánh quan tâm luận giải trong tác phẩm của mình. Con người ý thức được rằng: “Lịch sử là cái tồn tại, là tiến trình liên tục của các thay đổi và nó trực tiếp can thiệp vào cuộc đời mỗi con người” [3, tr.449]. Sự lựa chọn này không chỉ mang lại sự thành bại của chính họ mà nhiều khi đem đến những hệ lụy lớn lao cho nhiều thế hệ. Đó cũng là cách mà nhà văn đối thoại, luận bàn với lịch sử.

Đọc *Hồ Quý Ly*, chúng ta luôn có cảm giác mỗi nhân vật luôn đứng trước những ngã rẽ của số phận. Họ buộc phải lựa chọn con đường đi, dấn thân và chấp nhận trả giá cho sự lựa chọn ấy. Trước sự rối ren, suy tàn của triều đại, cùng những ý chí tham vọng điên cuồng của Hồ Quý Ly, nhiều tôn thất nhà Trần lựa chọn con đường thông đồng với giặc (Trần Nguyên Diệu đầu hàng quân Chiêm, Trần Nguyên Uyên, Trần Nguyên Dận, Trần Nguyên Đĩnh, Trần Tôn, Trần Khang (sau này trở thành vua bù nhìn Trần Thiêm Bình) chạy theo quân Minh...). Họ đã phải trả cái giá quá đắt cho hành động bán nước của mình, không chỉ bằng cái chết mà còn tiếng xấu muôn đời trong sử sách. Trước sự đảo điên của thời “thiên túy”, một số trí thức, nhân cách lớn lại trốn chạy hiện thực, lui về ở ẩn như Trần

Nguyên Đán, Chu Văn An... hay đành nhắm mắt làm ngơ giả câm giả điếc để che mắt kẻ thù địch (Trần Sư Hiền). Thượng tướng Trần Khát Chân, một ngôi sao rực rỡ trên chính trường Đại Việt, xuất hiện trong hoàn cảnh vừa vinh quang vừa khắc nghiệt của đất nước. Bị lịch sử chọn lựa để đứng đầu phái tôn thất thủ cựu trong canh bài chính trị với phe canh tân, càng ngày ông càng bị hút vào dòng xoáy của lịch sử với những ý nghĩ, toan tính, hành động “không trùng khít với bản thân” (M. Bakhtin). Còn những kẻ sĩ chân chính như Đoàn Xuân Lô, Sĩ Văn Hoa, sẵn sàng đối đầu với hiểm nguy để giữ phẩm tiết, bảo vệ sự thật và giữ gìn hồn cốt dân tộc.

Trong *Mẫu thượng ngàn*, mục đích của Nguyễn Xuân Khánh không phải là tạo ra một tình thế lịch sử để nhân vật lựa chọn mà ông muốn khám phá, giải mã chiều sâu cội nguồn bản sắc văn hóa Việt, cái làm nên niềm tin, sức mạnh cho mỗi hành động trong con người. Tuy vậy, trong sự giao tranh văn hóa Đông Tây, việc con người trở về với Đạo Mẫu, gắn kết với tín ngưỡng, lễ hội dân gian cũng thể hiện một lối hành xử trong tâm linh nhằm giữ gìn truyền thống lâu đời, khước từ và khẳng định sức sống bất diệt trước những cuộc xâm lăng của văn hóa nước ngoài. Ném trái những thất bại hàng loạt trong các cuộc khởi nghĩa chống Pháp, cụ Tú Cao và cụ Đồ Tiết, đại diện lớp nhà Nho xưa, đã nhận ra sự bất lực của chính thể hệ các ông, để rồi tìm về với đạo Mẫu như một sự giải thoát. Bên cạnh đó, thấp thoáng trong tác phẩm, người đọc đã cảm nhận được những lí tưởng sống qua việc

lựa chọn con đường đi của nhiều nhân vật (Trịnh Huyền, Tuấn, Huy...). Trong đó, Tuấn và Huy đại diện cho lớp trí thức mới, trẻ trung, sống có hoài bão, đang dần thân đeo đuổi những mục đích cao cả. Tác phẩm khép lại bằng những cuộc ra đi và những cuộc trở về báo hiệu cho sự đổi thay trong cuộc sống vốn chưa bao giờ bình lặng của người dân Cổ Định...

3.3. Truy tìm, giải mã cội nguồn bản sắc văn hóa dân tộc Việt

Truy tìm, giải mã cội nguồn bản sắc văn hóa Việt là một trong những điều suy tư, trăn trở của Nguyễn Xuân Khánh. Có thể nói cảm thức và suy tư về tinh thần dân tộc, bản sắc văn hóa trực tiếp chi phối khung diễn ngôn nghệ thuật của tác giả. Nói về vận nước, trong *Hồ Quý Ly*, nhà văn đã luận giải con đường chính đạo qua suy nghĩ của Sĩ Văn Hoa: “...đức vua Nhân Tôn chính là người đã điều hòa được âm dương, vì người có tâm nhìn rộng lớn. Núi sông cũng có âm dương; một đất nước cũng có âm dương: Phật giáo và Nho giáo” [7, tr.459]. Nếu Nho giáo là phần dương của núi sông thì Phật giáo là “phần âm của hồn dân Việt”. Đó là “phần linh thiêng, phần chìm, phần lặng lẽ và thâm thúy của núi sông” [7, tr.459]. Cõi hồn nước là giá trị sâu thẳm, linh thiêng trong tâm thức người dân Việt, Nguyễn Xuân Khánh luôn đi tìm ẩn số và luận giải hàng số lịch sử - văn hóa tạo thành diễn ngôn về dân tộc - lịch sử - văn hóa xuyên suốt trong tư duy nghệ thuật. Tư tưởng này tiếp tục được thi triển trong *Mẫu thượng ngàn*. Khi đọc tác phẩm này, Nguyễn Ngọc đã nhận xét: “Văn hóa Việt, bản sắc văn hóa Việt là

vấn đề, là câu hỏi đã được nêu ra và được hàng trăm, nếu không nói hàng nghìn nhà nghiên cứu tìm cách lí giải từ rất lâu. Nguyễn Xuân Khánh là nhà tiểu thuyết, anh cũng có câu trả lời của mình không phải bằng lí lẽ uyên bác mà bằng một cuốn tiểu thuyết sinh động, ***Mẫu thượng ngàn***”.

Cùng với nỗ lực tìm kiếm và phục dựng không gian tinh thần, Nguyễn Xuân Khánh đã tái hiện lại không gian văn hóa, tín ngưỡng đặc sắc của người Việt như tín ngưỡng thờ cúng bách thần và tín ngưỡng linh vật (Thần Cây và Thần Cầu), các lễ hội dân gian, tín ngưỡng phồn thực... Nhưng trên hết, Đạo Mẫu trong lòng tín ngưỡng sơ khai đậm màu phồn thực phồn sinh, vừa hồn hậu vừa màu nhiệm, mới là chiếc chìa khóa dẫn người đọc bước vào thế giới huyền thoại của tác phẩm. Câu chuyện huyền thoại/giải huyền thoại ông Đùng bà Đà gắn với tín ngưỡng phồn thực có nguồn gốc lâu đời trong đời sống cộng đồng người Việt xưa cũng đã được phục dựng hết sức sinh động và giàu ý nghĩa. Về mặt chất liệu, huyền thoại về ông Đùng, bà Đà trong ***Mẫu thượng Ngàn*** chứa đựng những lớp huyền thoại và các hành vi thể tục phản huyền thoại. Nhà văn đã làm mới huyền thoại bằng cách thể tục hóa câu chuyện và giải thiêng các nhân vật [1]. Lễ hội ông Đùng bà Đà là ngày vui hiếm có của người dân quanh năm cơ cực, là nơi cố kết cộng đồng cùng sống lại kí ức về nhân vật huyền thoại, thực hiện tín ngưỡng phồn thực trong niềm hân hoan tột cùng. Nó hấp dẫn người tham dự bởi sự tự do và ý nghĩa nhân văn

sâu sắc. Gắn với phần đạo là phần đời - tục “trái ỏ” được mọi người mong ngóng, chờ đợi. Sự cố kết làm nên sức mạnh của cộng đồng chính là niềm tin sâu sắc về sự tồn tại, hiện hữu của Mẫu. Người dân Cổ Đình từ trong tâm thức nhận thức cảm nhận được sức mạnh của Mẫu là một điều gì đó vừa gần gũi vừa thiêng liêng: “Mẫu là hồn của đất. Mẫu là cơm gạo ta ăn, cho hoa trái bốn mùa tươi tốt. Những bài hát văn đều ca tụng công ơn. Mẫu dạy chim hót, dạy công mùa quạt, dạy voi kếp gỗ, dạy hùm thiêng canh giữ núi rừng, dạy con người biết xót thương...” [7, tr.421]. Rõ ràng, Đạo Mẫu có một ý nghĩa vô cùng quan trọng trong đời sống, tâm thức cộng đồng (“Đã là người ta, con ơi, ai chẳng là con của Mẫu”). Đó sự an ủi, xoa dịu, sự cứu rỗi những số phận bất hạnh, những cuộc đời nghiệt ngã của người đàn bà thôn quê (bà tổ cô, Mùi, bà ba Váy, Nhụ, Hoa...). Chính sự thanh tẩy cao quý trong vòng tay của Mẫu khiến con người trở nên tốt đẹp hơn, thánh thiện hơn, mạnh mẽ hơn... Phải chăng, sự bao dung, tình yêu thương, che chở của Mẫu trở thành sức mạnh trường tồn của văn hóa Việt?

3.4. Vấn đề thân phận và bi kịch con người trong dòng chảy lịch sử

Milan Kundera, nhà tiểu thuyết Pháp gốc Tiệp đã nêu lên sự khác biệt cơ bản giữa khoa học lịch sử và tiểu thuyết lịch sử chính là những “sự cố” bên trong con người: “Khoa chép sử viết lại lịch sử của xã hội, chứ không phải con người. Vì vậy, những sự kiện được nói đến trong các tiểu thuyết của tôi thường bị khoa chép sử bỏ quên” [8, tr.45]. Trong tiểu

thuyết, lịch sử lúc này là sự ngưng tụ của chiều sâu nội tâm và số phận con người trong dòng chảy của nó, hay nói như Vương Trí Nhàn, lịch sử mang một “guồng mặt người”.

Tái hiện lại những năm tháng cuối cùng của triều đại Trần, Nguyễn Xuân Khánh đã khám phá *thân phận vương giả trong lễ thịnh suy của thời đại*. Từ ông vua già Nghệ Tông đến ông vua trẻ Thuận Tông đều là những kẻ “bị làm vua” và chịu chung số phận của quy luật lịch sử (*Hồ Quý Ly*). Không có ý chí làm vua, song cha con ông không thể có sự lựa chọn nào khác, vì lợi ích và sự tồn vong của triều đại. Đến lúc chết, hai cha con ông vẫn không thôi day dứt: “Nhân từ ư? Thương dân ư? Những đức hạnh tốt đẹp đó hỏi trên đời này có ông vua nào hơn được cha con ông? Thế mà tại sao, tại sao nước Đại Việt này vẫn đói khát, loạn lạc? tại sao cơ đồ của tổ tiên ông vẫn ngã nghiêng?” [6, tr.159].

Số phận người phụ nữ trong cơn bão tố của thời cuộc cũng là vấn đề khiến Nguyễn Xuân Khánh trăn trở. Bi kịch của họ không bao giờ đồng hành với vẻ đẹp đáng yêu, thánh thiện, trong trẻo, giàu đức hi sinh, vị tha. Huy Ninh, Thánh Ngẫu, Quỳnh Hoa, Thanh Mai (*Hồ Quý Ly*), những người phụ nữ với ước vọng bình yên trong tình yêu và hạnh phúc gia đình, nhưng họ lại bị lôi vào vòng xoáy của những toan tính, âm mưu tranh giành quyền lực của các phe phái. Thân phận của họ được ví như cánh chim mong manh trong cơn giông bão của cuộc đời. Long đong, lận đận, những con người nhỏ bé này chỉ biết cách tìm về với Mẫu

để được xoa dịu bớt những nhọc nhằn, bất hạnh trong cuộc sống: “chỉ có Mẫu mới an ủi được họ, mới giải tỏa cho họ khỏi những cay cực, những ảm ức của thế gian” [7, tr.696].

Ưu tư về *thân phận người trí thức trong mối xung đột của thời cuộc*, Nguyễn Xuân Khánh trong tác phẩm của mình đã khắc họa hình ảnh của những lớp người trí thức dấn thân cho lí tưởng, mục đích sống của mình. Họ có thể là những kẻ sĩ như Đoàn Xuân Lôi, Sử Văn Hoa, Phạm Sinh, là những nhà nho hết thời như cụ Đồ Tiết, ông Cừ Khiêm, ông Phó bảng Vũ Xuân Huy, cụ Tú Cao, hay những trí thức mới Tây học như Tuấn, Huy... Tất cả họ bị cuốn vào ván bài quyền lực nghiệt ngã mà phần thắng bao giờ cũng nằm trong tay kẻ có sức mạnh, nắm quyền lực. Mặc dù chịu chung tấn bi kịch của số phận, nhưng họ chính là những con người dũng cảm đã dám đặt cọc bằng máu cho con đường đi của dân tộc sau này.

Khám phá, suy tư về số phận nhân dân, Nguyễn Xuân Khánh trong tiểu thuyết của mình đã không quên *số phận của những đám đông nhỏ bé, vô danh trong sự xoay vần của lịch sử*. Từ những người dân chốn kinh thành trong những ngày gió lửa của chiến tranh, trong cơn bão tranh giành quyền lực, đến những người dân trong làng Cổ Đình xa xôi, heo hút, đều bị cuốn vào vòng xoáy khốc liệt của thời cuộc. Nói về sứ mệnh của nhà văn, Nguyễn Xuân Khánh cho rằng: “Người làm văn chương phải có tài, nhạy cảm, biết rung động, biết nói lên phần vô thức của dân tộc, chạm vào đúng sợi tơ

đàn âm ngâm của từng số phận con người và dân tộc mình”¹. Lắng nghe từ những số phận ấy, nhà văn giúp người đọc nhận ra gương mặt, tiếng nói của lịch sử. Gần gũi, bình dị nhưng mỗi cuộc đời, mỗi số phận lại mang một chiều sâu của triết học nhân sinh - lịch sử sâu sắc.

4. Thể nghiệm phương thức tư duy và tự sự lịch sử độc đáo, mới lạ

Với Nguyễn Xuân Khánh, người đọc bắt gặp sự phá cách, sáng tạo độc đáo ở phương diện tổ chức văn bản trần thuật. Nhà văn đã không ngần ngại sử dụng đan xen người kể chuyện ngôi thứ ba và người kể chuyện ngôi thứ nhất, cùng với việc tạo dựng nhiều điểm nhìn và sự dịch chuyển điểm nhìn trần thuật trong sáng tác của mình. Dĩ nhiên, phương thức này không phải là điều gì mới lạ trong tiểu thuyết lịch sử thế giới, nhưng ở Việt Nam lại rất hiếm hoi. Trên thế giới, nhiều nhà văn tên tuổi đã sử dụng thành công loại hình người kể chuyện này, như Sơn Táp (*Nữ hoàng, Hoàng đế và giai nhân*), Mạc Ngôn (*Đàn hương hình*, Nobel văn chương 2012), Kertész Imre (*Không số phận*, Nobel văn chương 2002), Orhan Pamuk (*Tên tôi là Đỏ*, Nobel văn chương 2006), Jonathan Little (*Những kẻ thiện tâm*, Goncourt 2006)... Còn ở Việt Nam, theo thống kê của chúng tôi trong số gần 200 tiểu thuyết lịch sử từ những năm đầu thế kỉ XX đến nay, số lượng tác phẩm sử dụng người kể chuyện ngôi thứ nhất chiếm tỉ lệ vô cùng ít ỏi, ngoài Nguyễn Xuân Khánh, mới đây còn có Bùi Anh Tấn (*Nguyễn Trãi, phần 1: Oan khuất*). Sự xuất hiện của *Hồ Quý Ly* và *Mẫu thượng ngàn* như một sự thể nghiệm vô

cùng độc đáo đem lại những hiệu quả thẩm mỹ to lớn trong tư duy tự sự lịch sử của nhà văn.

Những thành tố tổ chức mô thức văn bản trần thuật trong hai tiểu thuyết của Nguyễn Xuân Khánh cũng có nhiều sáng tạo và đổi mới thú vị. Từ không gian trần thuật, nơi kết tinh của chiều sâu văn hóa tâm linh và tâm tưởng đến sự xáo trộn, đan xen, đồng hiện nhiều loại thời gian đã trở thành một phương thức chuyển tải linh hoạt và sâu sắc hiện thực bên ngoài và sức nặng tư tưởng bên trong. Không chọn tái hiện thời gian theo trục tuyến tính như nhiều nhà văn trước và cùng thời, bằng các thủ pháp xử lí thời gian như hồi cố, dự thuật, thay đổi nhịp điệu trần thuật, tác giả đã tạo ra độ “vênh lệch” giữa thời gian niên biểu và thời gian trần thuật trong truyện. Về mặt ngôn ngữ, Nguyễn Xuân Khánh đã sáng tạo ra lớp ngôn ngữ mang mang đậm dấu ấn văn hóa và hơi thở thời đại. Ở đó, có sự hài hòa giữa lớp ngôn ngữ cô đọng súc tích, khách quan của lịch sử và lớp ngôn ngữ giàu sắc thái biểu cảm của tiểu thuyết. Đặc biệt, trong tiểu thuyết của Nguyễn Xuân Khánh, ngôn ngữ giàu màu sắc triết luận, đối thoại, có một ý nghĩa rất lớn trong cảm thức lịch sử của nhà văn. Bên cạnh đó, nghệ thuật tổ chức kết cấu trần thuật cũng là một thể nghiệm vô cùng mới lạ của nhà văn. Không sử dụng lối kết cấu truyền thống theo trật tự thời gian tuyến tính biên niên sử và dấu mốc trong cuộc đời nhân vật, Nguyễn Xuân Khánh đã thể nghiệm rất thành công nhiều lối kết cấu rất mới lạ, mang dấu ấn sự tìm tòi và ý thức làm mới thể loại của

cá nhân nhà văn với kết cấu theo tâm lí nhân vật, kết cấu thể thủ vĩ ngâm (*Hồ Quý Ly*), theo trục đối xứng (*Mẫu thượng ngàn*)...

5. Kết luận

Với những tìm tòi, thể nghiệm độc đáo tư duy tự sự lịch sử trong tiểu thuyết của mình, Nguyễn Xuân Khánh đã mang đến món ăn tinh thần thú vị cho người đọc. Từ cảm thức lịch sử đến việc lựa chọn và thể hiện hiện thực lịch sử, ông đã

cho thấy tài năng, bản lĩnh và sức sáng tạo vô biên của mình. Làm mới những gì đã có bằng tài năng, tâm huyết, vốn sống, cùng với sự nghiêm túc, cần mẫn, Nguyễn Xuân Khánh đã làm nên một cuộc cách tân táo bạo trong thể loại tiểu thuyết lịch sử. Nếu Milan Kundera “Hiểu biết là đạo đức duy nhất của tiểu thuyết” thì Nguyễn Xuân Khánh và tác phẩm của ông đã thực hiện trọn vẹn và sâu sắc “lẽ sống duy nhất” đó của thể loại này.

¹ Trả lời phỏng vấn Báo Tuổi trẻ ngày 23-7-2006.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Thị An (2007), “Sức ám ảnh của tín ngưỡng dân gian trong tiểu thuyết *Mẫu thượng ngàn*”, *Nghiên cứu Văn học*, (6), tr.27-47, Hà Nội.
2. M.Bakhtin (1992), *Lí luận và thi pháp tiểu thuyết*, Phạm Vĩnh Cư dịch, Trường viết văn Nguyễn Du, Hà Nội.
3. Trương Đăng Dung (2008), “Tiểu thuyết lịch sử trong quan niệm mỹ học của G.Lucacs” in trong *Tuyển tập các bài viết về tiểu thuyết ở Việt Nam thế kỉ XX*, Nguyễn Văn Tùng biên soạn, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
4. Đoàn Ánh Dương (2010), “Tự sự hậu thực dân: Lịch sử và huyền thoại trong *Mẫu thượng ngàn* của Nguyễn Xuân Khánh”, *Tạp chí Nghiên cứu Văn học*, (9), tr.107-121, Hà Nội.
5. Nguyễn Mộng Giác, Nam Dao (2002), “Thảo luận về tiểu thuyết lịch sử”, *Văn học Cali* (197), *Tạp chí Da Màu* (2008).
6. Nguyễn Xuân Khánh (2006), *Hồ Quý Ly*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội.
7. Nguyễn Xuân Khánh (2006), *Mẫu thượng ngàn*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội.
8. M. Kundera (1998), *Tiểu luận* (Nghệ thuật tiểu thuyết và Những di chúc bị phản bội), Nguyễn Ngọc dịch, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 12-12-2012; ngày phản biện đánh giá: 07-3-2013; ngày chấp nhận đăng: 12-3-2013)